

名古屋市営バス 野並営業所 所属車両リスト																																																	
局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考														
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1									R6.4	R7.3												
NH-177	PDG-KV234N2	H19 12	猪高												野並													NH-177	2035	Jbus	AT	○																	
NH-198	PDG-KV234N2	H19 12	稲西												野並													NH-198	2040	Jbus	AT	○																	
NH-199	PDG-KV234N2	H19 12	稲西												野並													NH-199	2041	Jbus	AT	○																	
NH-202	PDG-KV234N2	H20 1-3	稲西												野並													NH-202	2076	Jbus	AT	○																	
NH-304	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製												緑													野並													NH-304	2881	Jbus	MT	○	○			
NH-305	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製												緑													野並													NH-305	2882	Jbus	MT	○	○			貸切(H30~)
NH-306	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製												野並													NH-306	2862	Jbus	MT	○	○																
NH-307	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製												野並													NH-307	2863	Jbus	MT	○	○																
NH-308	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製												野並													NH-308	2868	Jbus	MT	○	○																
NMH-18	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製												野並													NMH-18	2940	Jbus	AT	○				お絵かきバス(R1.8)													
NF-460	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製												野並													NF-460	4569	MBM	AT	○	○																
NF-461	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製												野並													NF-461	4578	MBM	AT	○	○																
NF-462	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製												野並													NF-462	4593	MBM	AT	○	○																
NF-463	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製												野並													NF-463	4605	MBM	AT	○	○																
NF-464	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製												野並													NF-464	4614	MBM	AT	○	○																
NF-465	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製												野並													NF-465	4627	MBM	AT	○	○																
NF-548	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製												野並													NF-548	4747	MBM	AT	○	○																
NF-549	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製												野並													NF-549	4768	MBM	AT	○	○																
NF-550	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製												野並													NF-550	4779	MBM	AT	○	○																
NF-551	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製												野並													NF-551	4786	MBM	AT	○	○																
NF-552	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製												野並													NF-552	4792	MBM	AT	○	○																
NF-553	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製												野並													NF-553	4817	MBM	AT	○	○																
NF-637	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-637	4909	MBM	AT	○	○																
NF-638	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-638	4919	MBM	AT	○	○																
NF-639	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-639	4938	MBM	AT	○	○																
NF-640	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-640	4947	MBM	AT	○	○																
NF-641	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-641	4958	MBM	AT	○	○																
NF-642	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-642	4980	MBM	AT	○	○																
NF-643	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-643	4988	MBM	AT	○	○																
NF-644	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-644	5002	MBM	AT	○	○																
NF-645	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-645	5013	MBM	AT	○	○																
NF-646	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-646	5035	MBM	AT	○	○																
NF-647	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-647	5048	MBM	AT	○	○																
NF-648	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-648	5056	MBM	AT	○	○																
NF-649	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製												野並													NF-649	5065	MBM	AT	○	○																
NS-81	PDG-LV234N2	H20 1-3	稲西												野並													NS-81	2113	Jbus	AT	○																	
NS-83	PDG-LV234N2	H20 1-3	稲西												野並													NS-83	2134	Jbus	AT	○																	

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																	局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考			
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8									H29.4	H30.1	H30.3
NS-100	PDG-LV234N2	H20 1-3	中川										野並							NS-100	2139	Jbus	AT	○				お絵かきバス(R5.10)		
NS-115	PDG-LV234N2	H20 1-3	如意										野並							NS-115	2122	Jbus	AT	○						
NS-116	PDG-LV234N2	H20 1-3	如意										野並							NS-116	2125	Jbus	AT	○						
NS-117	PDG-LV234N2	H20 1-3	如意										野並							NS-117	2126	Jbus	AT	○						
NS-118	PDG-LV234N2	H20 1-3	如意										野並							NS-118	2162	Jbus	AT	○						
NS-141	PDG-LV234N2	H20 1-3	猪高										野並							NS-141	2131	Jbus	AT	○						
NS-142	PDG-LV234N2	H20 1-3	猪高										野並							NS-142	2132	Jbus	AT	○						
NS-267	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										野並							NS-267	3044	Jbus	MT	○	○					
NS-268	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										野並							NS-268	3045	Jbus	MT	○	○					
NS-269	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										野並							NS-269	3055	Jbus	MT	○	○					
NS-328	2KG-LV290N2	H29 11-12	新製										鳴尾			野並				NS-328	3886	Jbus	AMT	○	○					
NS-361	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製										野並							NS-361	3928	Jbus	AMT	○	○					
NS-362	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製										野並							NS-362	3932	Jbus	AMT	○	○					
NS-363	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製										野並							NS-363	3936	Jbus	AMT	○	○					
NS-364	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製										野並							NS-364	3939	Jbus	AMT	○	○					
NS-365	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製										野並							NS-365	3943	Jbus	AMT	○	○					
NS-366	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製										野並							NS-366	3945	Jbus	AMT	○	○					
NS-386	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製										野並							NS-386	4057	Jbus	AT	○	○					
NS-387	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製										野並							NS-387	4082	Jbus	AT	○	○					
NS-388	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製										野並							NS-388	4088	Jbus	AT	○	○					
NS-423	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製										野並							NS-423	4456	Jbus	AT	○	○					
NS-424	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製										野並							NS-424	4468	Jbus	AT	○	○					
NS-425	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製										野並							NS-425	4478	Jbus	AT	○	○					
NMS-95	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製		大森										野並							NMS-95	2707	Jbus	AT	○				
NMS-109	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製										野並							NMS-109	4038	Jbus	AMT	○	○					
NMS-110	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製										野並							NMS-110	4047	Jbus	AMT	○	○					
NMS-111	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製										野並							NMS-111	4053	Jbus	AMT	○	○					
NMS-112	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製										野並							NMS-112	4069	Jbus	AMT	○	○					
NMS-155	2KG-LR290J4	R1 12	新製										野並							NMS-155	4206	Jbus	AMT	○	○					
NMS-179	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製										野並							NMS-179	4337	Jbus	AT	○	○					
NMS-180	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製										野並							NMS-180	4352	Jbus	AT	○	○					
NMS-181	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製										野並							NMS-181	4364	Jbus	AT	○	○					